

NGHIÊN CỨU TÌNH TRẠNG VÀ BẢO TỒN KHU HỆ LINH TRƯỞNG TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PÙ HƯỚNG, TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Thị Lệ Quyên¹*, Vương Thị Thúy Hằng¹, Nguyễn Hoàng Tiến¹, Trần Thị Thúy Nga¹

TÓM TẮT

Khu Bảo tồn Thiên nhiên (BTTN) Pù Huống, tỉnh Nghệ An có khu hệ thú đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, tài nguyên thú ở đây đã và đang bị suy giảm một phần do bị săn bắt, mất sinh cảnh, do thiếu cơ sở dữ liệu về phân bố của các loài, đặc biệt là các loài thú Linh trưởng. Nghiên cứu này nhằm làm rõ và cập nhật thông tin về tình trạng và bảo tồn khu hệ Linh trưởng và đề xuất các giải pháp bảo tồn các loài thú Linh trưởng cho khu bảo tồn. Phương pháp phỏng vấn và điều tra theo tuyến được sử dụng để thu thập các số liệu liên quan đến nội dung nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 9 loài Linh trưởng thuộc 3 họ được ghi nhận tại Khu BTTN Pù Huống. Khu hệ Linh trưởng ở đây có giá trị bảo tồn cao. Tất cả 9 loài ghi nhận được đều xếp hạng từ mức sắp nguy cấp đến nguy cấp cao ở mức độ quốc gia và toàn cầu. Săn bắt và phá hủy sinh cảnh là 2 mối đe dọa chính đến khu hệ Linh trưởng tại đây. 5 giải pháp được đề xuất nhằm bảo tồn các loài thú Linh trưởng trong Khu BTTN Pù Huống.

Từ khóa: *Linh trưởng, Nghệ An, Pù Huống, thành phần loài.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một trong những quốc gia có tính đa dạng cao về khu hệ Linh trưởng. Theo phân loại của Groves (2001, 2004) [4], [5], thú Linh trưởng Việt Nam gồm 24 loài và phân loài, thuộc 3 họ đó là: họ Cu li (Loridae), họ Khỉ (Cercopithecidae) và họ Vượn (Hylobatidae). Trong đó có rất nhiều loài đặc hữu như: Voọc lông trắng (*Trachypithecus delacourii*), Voọc Cát Bà (*Trachypithecus poliocephalus*), Chà và chân xám (*Pygathrix cinerea*), Voọc mũi hếch (*Rhinopithecus avunculus*) và Vượn đen Hải Nam (*Nomascus nasutus*). Ngoài ra sự đa dạng về loài, Việt Nam là quốc gia có số loài Linh trưởng đặc hữu cao nhất thế giới, ngoại trừ một số quốc gia có sự đa dạng và mức độ đặc hữu cao một cách đặc biệt như Brazil, Indonesia và Madagasca.

Tất cả các loài thú Linh trưởng ở Việt Nam đều có tình trạng sắp nguy cấp đến rất nguy cấp. Theo Sách Đỏ Việt Nam năm 2007 [1] trong số 24 loài và phân loài hiện có ở Việt Nam, có 4 loài trong tình trạng "Cực kỳ nguy cấp" (CR) và 8 loài ở tình trạng "Nguy cấp" (EN), một vài loài trong số này đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng.

Khu Bảo tồn Thiên nhiên (BTTN) Pù Huống cách thành phố Vinh 150 km về phía Tây, diện tích tự

nhiên là 50.075 ha, nằm trong địa phận giáp ranh của 16 xã thuộc 5 huyện: Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Con Cuông và Tương Dương. Các kết quả nghiên cứu trước đây đã thống kê được 328 loài động vật có xương sống ở cạn gồm: Thú 100 loài, chim 176 loài, bò sát 35 loài, lưỡng cư 17 loài. Khu hệ động vật ở Khu BTTN Pù Huống thể hiện tính đa dạng sinh học của Bắc Trung bộ. Thực tế, trong các hệ sinh thái rừng Pù Huống có nhiều loài động vật có ý nghĩa bảo tồn đặc biệt như: Sao la (*Pseudoryx nghetinhensis*), Mang lớn (*Megamuntiacus vuquangensis*), Chà và chân đỏ (*Pygathrix nemaeus*), Vượn má trắng (*Nomascus leucogenys leucogenys*).... Mặt khác, đây cũng là nơi có điều kiện thuận lợi và sinh cảnh phù hợp cho nhiều loài thú sinh sống và phát triển. Các nghiên cứu từ trước đến nay chỉ tập trung vào một số nội dung: Lập danh lục thú, giá trị bảo tồn nguồn gen; danh lục các loài cá, danh lục các loài chim, dơi... mà chưa có nghiên cứu cụ thể về các loài thú, đặc biệt là đặc điểm và phân bố của bộ Linh trưởng để góp phần vào công tác bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và bộ Linh trưởng nói riêng tại Khu BTTN Pù Huống. Mặt khác, cập nhật thông tin là cơ sở để các nhà quản lý, các nhà chuyên môn đưa ra các giải pháp bảo tồn các loài Linh trưởng cho Khu BTTN Pù Huống. Mục đích của nghiên cứu này nhằm bổ sung cơ sở dữ liệu về hiện trạng, phân bố cũng như tình trạng các loài Linh trưởng hiện có trong Khu BTTN Pù Huống.

¹ Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

* Email: quyenn82@gmail.com

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình điều tra thực địa được thực hiện từ tháng 5 năm 2020 đến tháng 5 năm 2021 tại Khu BTTN Pù Huống, tỉnh Nghệ An.

2.1. Phương pháp phỏng vấn

Đối tượng phỏng vấn (thực hiện 40 người): Cán bộ kiểm lâm, kỹ thuật, người dân địa phương, thợ săn tại địa phương, là những người dân sống quanh vùng đệm của Khu BTTN Pù Huống và thường xuyên vào rừng để săn bắt, kiếm củi, chăn trâu bò, lấy các lâm sản ngoài gỗ... Ngoài ra, phỏng vấn người dân thuộc 5 bản riêng biệt được thực hiện nhằm mục đích điều tra mục đích sử dụng các sản phẩm động vật hoang dã (ĐVHD) tại vùng đệm Khu BTTN Pù Huống.

Câu hỏi phỏng vấn tập trung vào thành phần loài, địa điểm và thời gian bắt gặp, tình hình bảo vệ, mục đích sử dụng và các mối đe dọa đến các loài và sinh cảnh sống của chúng (có bộ câu hỏi phỏng vấn chi tiết). Để đảm bảo tính chính xác cao, đã sử dụng hình ảnh màu của một số loài Linh trưởng tại khu vực điều tra để cho đối tượng phỏng vấn nhận diện.

Kết quả từ phỏng vấn sẽ là cơ sở cho việc thiết kế tuyến điều tra ngoài thực địa. Kết quả phỏng vấn có tính chất tham khảo và được khẳng định bằng quá trình điều tra thực địa.

2.2. Phương pháp điều tra theo tuyến

Các cuộc điều tra được thực hiện vào các tháng 5/2020, 7/2020, 8/2020, 10/2020, 3/2021, 4/2021, 6/2021, mỗi đợt điều tra kéo dài 10 ngày ở các độ cao và sinh cảnh khác nhau của Khu BTTN Pù Huống gồm các xã: Nga My, Xiềng My, Diễn Lâm, Châu Cường, Bình Chuẩn, Châu Hoàn và Quang Phong.

- Khảo sát theo tuyến: Tổng số 7 tuyến điều tra được lập trên các sinh cảnh khác nhau, trên mỗi tuyến có lập một số tuyến phụ thuộc 7 xã. Chiều dài mỗi tuyến 5 km đến 7 km tùy theo địa hình. Sử dụng các tuyến đường mòn có sẵn hoặc tạo mới đi xuyên qua các dạng sinh cảnh khác nhau của Khu BTTN Pù Huống làm tuyến điều tra. Tổng số 6 người điều tra (4 điều tra chính và 2 người điều tra phụ giúp quá trình kiểm tra bẫy ảnh định kỳ 10 ngày/1 lần) (Bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm tuyến điều tra các loài Linh trưởng tại Khu BTTN Pù Huống

Tuyến	Địa điểm (xã)	Tọa độ xuất phát	Đặc điểm
1	Nga My	509,564.94 - 2,140,558.48	Rừng gỗ tự nhiên giàu, rừng gỗ tự nhiên trung bình trên núi đất và núi đá vôi
2	Xiềng My	512,524.26 - 2,135,706.16	Rừng gỗ tự nhiên giàu, rừng gỗ tự nhiên trung bình và nghèo trên núi đất và núi đá vôi
3	Bình Chuẩn	523,545.33 - 2,135,953.57	Rừng gỗ tự nhiên giàu, rừng gỗ tự nhiên trung bình trên núi đất, núi đá vôi và rừng hỗn giao
4	Châu Cường	528,376.13 - 2,136,904.59	Rừng gỗ tự nhiên trung bình trên núi đất, núi đá
5	Diễn Lâm	518,789.00 - 2,143,367.00	Rừng gỗ tự nhiên giàu, rừng gỗ tự nhiên trung bình trên núi đất và núi đá vôi, rừng hỗn giao, rừng gỗ tự nhiên trên núi đất, núi đá nghèo
6	Châu Hoàn	515,097.99 - 2,150,584.20	Rừng gỗ tự nhiên giàu (còn ít), rừng gỗ tự nhiên trung bình trên núi đất và núi đá vôi
7	Quang Phong	513,574.05 - 2,134,923.39	Rừng gỗ tự nhiên trung bình trên núi đất và núi đá vôi

Ghi chú: Hệ tọa độ VN2000

- Điều tra trên tuyến từ 5 giờ 00 phút đến 17 giờ 30 phút đối với loài Linh trưởng hoạt động ban ngày và ban đêm đối với các loài Linh trưởng hoạt động ban đêm Trong quá trình điều tra trên tuyến, người điều tra di chuyển với tốc độ 1,5 km/giờ đến 2,5 km/giờ và cứ 30 phút dừng lại quan sát tại các điểm thoáng hoặc trên các đỉnh giông khoảng 30 phút.

Trên các tuyến dùng ống nhòm, máy ảnh kỹ thuật số, mắt thường, đèn pin đội đầu để tìm và quan sát các loài thú, đồng thời chú ý tìm kiếm các dấu vết hoạt động của thú để lại trên cây và trên mặt đất như các dấu chân, phân, thức ăn thừa, hang tổ, vết cào trên cây, tiếng kêu... Khi phát hiện loài, các thông tin được thu thập ghi vào biểu mẫu chuẩn bị sẵn: Tên